

Chi tiết mã HS 2301.20.20

Mã HS	2301.20.20
Mô tả hàng hóa	Bột mịn, bột thô và viên, từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, từ cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác, không thích hợp dùng làm thức ăn cho người; tóp mỡ / - Bột mịn, bột thô và viên, từ cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác: / - - Từ cá, có hàm lượng protein từ 60% trở lên tính theo khối lượng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	30/10/2026 08:51:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23012020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2865
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2865
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2865
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2846
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2807
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2807
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2807
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2807
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2807
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2807
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2845
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2845
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2845
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2845

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2845
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2845
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2849
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2849
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2849
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2849
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2849
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2849
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2849
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2813
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2809
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2809
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2809
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2809
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2809
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2809
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2809
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2809
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2809
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2809
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2809
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2809
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2856
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2856
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2856
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2856

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2856
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2856
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2853
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2853
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2853
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2853
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2853
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2853
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2861
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2861
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2861
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2861
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2861
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2861
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2832
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2832
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2832
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2832
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2832
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2832
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2834
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2834
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2834
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2834
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2834
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2834

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2830
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2830
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2830
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2830
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2830
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2830
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2830
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2853
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2853
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2853
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2853
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2853
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2853
RCEP B	2022	2022	0	B!D2853
RCEP B	2023	2023	0	B!E2853
RCEP B	2024	2024	0	B!F2853
RCEP B	2025	2025	0	B!G2853
RCEP B	2026	2026	0	B!H2853
RCEP B	2027	2027	0	B!I2853
RCEP C	2022	2022	0	C!D2853
RCEP C	2023	2023	0	C!E2853
RCEP C	2024	2024	0	C!F2853
RCEP C	2025	2025	0	C!G2853
RCEP C	2026	2026	0	C!H2853
RCEP C	2027	2027	0	C!I2853
RCEP D	2022	2022	0	D!D2853

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E2853
RCEP D	2024	2024	0	D!F2853
RCEP D	2025	2025	0	D!G2853
RCEP D	2026	2026	0	D!H2853
RCEP D	2027	2027	0	D!I2853
RCEP E	2022	2022	0	E!D2856
RCEP E	2023	2023	0	E!E2856
RCEP E	2024	2024	0	E!F2856
RCEP E	2025	2025	0	E!G2856
RCEP E	2026	2026	0	E!H2856
RCEP E	2027	2027	0	E!I2856
RCEP F	2022	2022	0	F!D2853
RCEP F	2023	2023	0	F!E2853
RCEP F	2024	2024	0	F!F2853
RCEP F	2025	2025	0	F!G2853
RCEP F	2026	2026	0	F!H2853
RCEP F	2027	2027	0	F!I2853
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2662
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2662
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2662
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2662

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2301.20 có 3 dòng thuế; dòng 2301.20.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Từ cá, có hàm lượng protein từ 60% trở lên tính theo khối lượng.	2301.20.10 Từ cá, có hàm lượng protein dưới 60% tính theo khối lượng; 2301.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cần nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2301.20.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2301.20.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2865), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.